**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ & QUẢN TRỊ KINH DOANH**

----------------------------



**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN KINH TẾ DU LỊCH**

**Học phần:** **LỊCH SỬ VĂN MINH THẾ GIỚI**

 **Mã số: HCW231**

 **Số tín chỉ: 3**

**Khoa: Marketing- Thương Mại- Du lịch**

**Bộ môn phụ trách: Quản trị Du lịch- Khách sạn**

**Thái Nguyên, 2020**

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ &QTKD**KHOA**: Marketing- Thương Mại- Du lịch**Bộ môn phụ trách**: Quản trị Du lịch- Khách sạn |  |

**ĐỀ C­ƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**1. Tên học phần:** Lịch Sử Văn Minh Thế Giới  **Mã học phần**: HCW231

**2. Tên Tiếng Anh:** ………………...…………;

**3. Số tín chỉ:** 3 **tín chỉ**  (2 tín chỉ lý thuyết, 1 tín chỉ thực hành/thảo luận)

**4. Điều kiện tham gia học tập học phần**

 Môn học tiên quyết: Cơ sở Văn hóa Việt Nam

 Môn học trước : Luật Du lịch

**5. Các giảng viên phụ trách học phần**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Học hàm, học vị, họ tên** | **Số điện thoại** | **Email** | **Ghi chú** |
| 1 | Th.s Bùi Thị Thanh Hương | 0976601859 | Thanhhuong.tueba@gmail.com |  |
| 2 | Th.s Phạm Minh Hương | 0988081555 | Minhhuong238@gmail.com |  |

**6. Mô tả học phần:**

 Lịch sử văn minh thế giới là môn học đại cương cung cấp những kiến thức cơ bản và hệ thống về quá trình hình thành, phát triển của các nền văn minh tiêu biểu trong lịch sử nhân loại, bao gồm: Điều kiện hình thành, tiến trình phát triển của các nền văn minh, những học thuyết chính trị, quan điểm triết học và các tôn giáo lớn cùng những thành tựu khoa học tự nhiên, kĩ thuật, văn học, sử học, nghệ thuật… của những nền văn minh thời cổ trung đại ở phương Đông (Ai Cập, Trung Hoa, Ấn Độ) và phương Tây (Hy Lạp, La Mã, các nước Tây Âu).

**7. Mục tiêu học phần**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu*****(Goals)*** | **Mô tả*****(Goal description)****Học phần này trang bị cho sinh viên:* | **Chuẩn đầu ra****CTĐT** | **Trình độ năng lực** |
| **G1** | Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Văn hoá, văn minh; Trình bày được điều kiện hình thành và phát triển của các nền văn minh với những đặc trưng về kinh tế-xã hội trong từng giai đoạn lịch sử; Trình bày và phân tích được những đóng góp tiêu biểu của các nền văn minh trên các lĩnh vực: Tư tưởng, văn học, nghệ thuật, tôn giáo, khoa học kĩ thuật | 1.1, 1.2, 1.3, 1.6 | 2 |
| **G2** | Rèn luyện kĩ năng thu thập, xử lí các nguồn tư liệu phục vụ cho học tập, nghiên cứu; Rèn luyện kĩ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá khách quan, khoa học các thành tựu văn hoá, văn minh. | 2.1, 2.3 | 3 |
| **G3** | Có khả năng lập kế hoạch, phân tich, thực hiện kiểm tra giám sát các vấn đề liên quan đến chuyên ngành.. | 3.3 | 4 |

**8. Chuẩn đầu ra của học phần**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chuẩn đầu ra HP** | **Mô tả***Sau khi học xong môn học này, người học có thể:* | **Chuẩn đầu ra CTĐT** | **Trình độ năng lực** |
| **G1** | **G1.1** | Hiểu được ý nghĩa của việc hình thành các nền văn minh; Khám phá toàn diện những thành tựu văn minh tiêu biểu và mối liên hệ giữa chúng, từ đó tìm ra cái riêng, độc đáo và vị thế của mỗi nền văn minh trong tiến trình phát | 1.1 | 2 |
| **G1.2** | Phân tích được những đóng góp tiêu biểu của các nền văn minh trên các lĩnh vực: Tư tưởng, văn học, nghệ thuật, tôn giáo, khoa học kĩ thuật… | 1.2 | 4 |
| **G1.3** | Vận dụng tốt các kiến thức thực tiễn vào việc đưa ra các giải pháp cho các hoạt động hướng dẫn du lịch | 1.4 | 3 |
| **G1.4** | Hiểu được các giá trị văn hóa, truyền thống, phong tục tập quán của các quốc gia là thị trường du lịch trọng điểm của Việt Nam. | 1.5 | 2 |
| **G2** | **G2.1** | Thu thập, xử lý thông tin và các kỹ năng liên quan đến nghiệp vụ để giải quyết vấn đề trong kinh doanh khách sạn- du lịch. | 2.4 | 3 |
| **G2.2** | Kỹ năng giao tiếp, ứng xử, thuyết trình và làm việc nhóm, kỹ năng tự học, tìm tòi sáng tạo, làm việc có kế hoạch và khoa học | 2.2 | 4 |
| **G3** | **G3.1** | Có khả năng lập kế hoạch, phân tich, thực hiện kiểm tra giám sát các vấn đề liên quan đến chuyên ngành | 3.1 | 4 |
|  |

**9. Nhiệm vụ của sinh viên**

***9.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận***

- Dự lớp ≥ 80 % tổng số thời lượng của học phần.

- Chuẩn bị nội dung thảo luận.

 - Hoàn thành các bài tập được giao.

 - Nghiên cứu tài liệu học tập.

***9.2. Phần thực hành, tiểu luận*** *(nếu có)*

- Hoàn thành các bài thực hành của học phần.

- Hoàn thành các bài tiểu luận theo yêu cầu.

***9.3. Phần khác*** *:*

*Tham quan thực tế*

Yêu cầu: Sinh viên được lựa chọn, thiết lập chuyến đi, chi phí, thuyết trình theo 1 trong 2 phương án sau

 Thực Tế ở Hà Nội 1 ngày:

 Thực tế ở Thái Nguyên 1 buổi/ 1 ngày

 Đánh giá: trong chuyến đi

**10. Tài liệu học tập**

***-*** *Sách, giáo trình chính:*

 Vũ Dương Ninh *Lịch sử văn minh thế giới*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2010.

***-*** *Tài liệu tham khảo:*

 1. Nguyễn Gia Phu, Nguyễn Văn Ánh, Đỗ Đình Hãng, Trần Văn La, *Lịch sử thế giới trung đại*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2009

 2. Lương Ninh, *Lịch sử văn hoá thế giới cổ trung đại*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2003.

**11. Nội dụng giảng dạy chi tiết**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiết**  | **Nội dung giảng dạy***(Ghi chi tiết đến từng mục nhỏ của từng chương)* | **Chuẩn đầu ra học phần** *(CĐR đạt được khi kết thúc chương)* | **Trình độ năng lực** *(TĐNL đạt được khi kết thúc chương)* | **Phương pháp dạy học** *(Thuyết giảng, thảo luận nhóm...)* | **Phương pháp đánh giá***(Kiểm tra quá trình, trắc nghiệm, thuyết trình nhóm,...)* |
| 1 | Chương mở đầu, phần 1 | **G1.1** | **2** | **LT** |  |
| 2 | Chương mở đầu, phần 2 | **G1.1** | **2** | **LT** |  |
| 3 | Chương mở đầu, phần 3 | **G1.1** | **2** | **LT** |  |
| 4 | Chương 1: Văn minh Ai Cập cổ đại, mục 1 | **G1.1, G1.2** | **2+4** | **LT** |  |
| 5 | Chương 1: Văn minh Ai Cập cổ đại, mục 2 | **G1.1, G1.2** | **2+4** | **LT** |  |
| 6 | Chương 1: Văn minh Ai Cập cổ đại, mục 3.1, 3.2 | **G1.1, G1.2** | **2+4** | **LT** |  |
| 7 | Chương 1: Văn minh Ai Cập cổ đại, mục 3.3; 3.4 | **G1.1, G1.2** | **2+4** | **LT** |  |
| 8 | Chương 1: Văn minh Ai Cập cổ đại, mục 3.3; 3.4 (tiếp) | **G1.1, G1.2** | **2+4** | **LT** |  |
| 9 | Thảo luận chương 1 | **G1.1, G1.2, G1.3, G1.4, G2.2** | **2+3+4** | **TL** |  |
| 10 | Thảo luận chương 1 | **G1.1, G1.2, G1.3, G1.4, G2.2** | **2+3+4** | **TL** |  |
| 11 | Chương 2: Văn minh Trung Quốc cổ trung đại, mục 1 | **G1.1, G1.2** | **2+4** | **LT** |  |
| 12 | Chương 2: Văn minh Trung Quốc cổ trung đại, mục 2 | **G1.1, G1.2** | **2+4** | **LT** |  |
| 13 | Chương 2: Văn minh Trung Quốc cổ trung đại, mục 3.1; 3.2 | **G1.1, G1.2** | **2+4** | **LT** |  |
| 14 | Chương 2: Văn minh Trung Quốc cổ trung đại, mục 3.3; 3.4 | **G1.1, G1.2** | **2+4** | **LT** |  |
| 15 | Chương 2: Văn minh Trung Quốc cổ trung đại, mục 3.5, 3.6 | **G1.1, G1.2** | **2+4** | **LT** |  |
| 16 | Thảo luận chương 2 | **G1.1, G1.2, G1.3, G1.4, G2.2, G3.1** | **2+3+4** | **TL** | **Thuyết trình nhóm** |
| 17 | Thảo luận chương 2 | **G1.1, G1.2, G1.3, G1.4, G2.2, G3.1** | **2+3+4** | **TL** | **Thuyết trình nhóm** |
| 18 | Thảo luận chương 2 | **G1.1, G1.2, G1.3, G1.4, G2.2, G3.1** | **2+3+4** | **TL** | **Thuyết trình nhóm** |
| 19 | Chương 3. Văn minh Ấn Độ cổ trung đại mục 1 | **G1.1, G1.2** | **2+4** | **LT** |  |
| 20 | Chương 3. Văn minh Ấn Độ cổ trung đại mục 2 | **G1.1, G1.2** | **2+4** | **LT** |  |
| 21 | Chương 3. Văn minh Ấn Độ cổ trung đại mục 3.1, 3.2 | **G1.1, G1.2** | **2+4** | **LT** |  |
| 22 | Chương 3. Văn minh Ấn Độ cổ trung đại 3.3 | **G1.1, G1.2** | **2+4** | **LT** |  |
| 23 | Chương 3. Văn minh Ấn Độ cổ trung đại 3.4 | **G1.1, G1.2** | **2+4** | **LT** |  |
| 24 | Thảo luận chương 3 | **G1.1, G1.2, G1.3, G1.4, G2.2, G3.1** | **2+3+4** | **TL** |  |
| 25 | Thảo luận chương 3 | **G1.1, G1.2, G1.3, G1.4, G2.2, G3.1** | **2+3+4** | **TL** |  |
| 26 | Chương 4: Văn minh Hy Lạp - La Mã cổ đại, mục 1, 2 | **G1.1, G1.2** | **2+4** | **LT** |  |
| 27 | Chương 4: Văn minh Hy Lạp - La Mã cổ đại, mục 3.1; 3.2 | **G1.1, G1.2** | **2+4** | **LT** |  |
| 28 | Chương 4: Văn minh Hy Lạp - La Mã cổ đại, mục 3.3 | **G1.1, G1.2** | **2+4** | **LT** |  |
| 29 | Chương 4: Văn minh Hy Lạp - La Mã cổ đại mục 3.4 | **G1.1, G1.2** | **2+4** | **LT** |  |
| 30 | Chương 4: Văn minh Hy Lạp - La Mã cổ đại mục 3.5 | **G1.1, G1.2** | **2+4** | **LT** |  |
| 31 | Thảo luận chương 4 | **G1.1, G1.2, G1.3, G1.4, G2.2, G3.1** | **2+3+4** | **TL** |  |
| 32 | Thảo luận chương 4 | **G1.1, G1.2, G1.3, G1.4, G2.2, G3.1** | **2+3+4** | **TL** |  |
| 33, 34 | Kiểm tra giữa kỳ | **G1.1, G1.3, G1.4, G2.2** | **2+3+4** |  | **Trắc nghiệm + câu hỏi tình huống** |
| 35 | Chữa bài Kiểm tra giữa kỳ | **G1.1, G1.3, G1.4, G2.2** | **2+3+4** | **Bài tập** |  |
| 36 | Chương 5. Văn minh Đông Nam Á mục 1 | **G1.1, G1.2** | **2+4** | **LT** |  |
| 37 | Chương 5. Văn minh Đông Nam Á mục 1 (tiếp) | **G1.1, G1.2** | **2+4** | **LT** |  |
| 38 | Chương 5. Văn minh Đông Nam Á mục 2 | **G1.1, G1.2** | **2+4** | **LT** |  |
| 39 | Chương 5. Văn minh Đông Nam Á mục 2 (tiếp) | **G1.1, G1.2** | **2+4** | **LT** |  |
| 40 | Chương 5. Văn minh Đông Nam Á mục 3 | **G1.1, G1.2** | **2+4** | **LT** |  |
| 41 | Chương 5. Văn minh Đông Nam Á mục 3 (tiếp) | **G1.1, G1.2** | **2+4** | **LT** |  |
| 42 | Thực hành/ Thực tế Chương 5 | **G1.1,****G1.2,****G1.3,****G1.4,****G2.1,****G2.2,****G3.1** | **2****4****3****2****3****4****4** | **Thực hành/ Thực tế** | **thuyết trình tại điểm thực tế** |
| 43 | Thực hành/ Thực tế Chương 5 | **G1.1,****G1.2,****G1.3,****G1.4,****G2.1,****G2.2,****G3.1** | **2****4****3****2****3****4****4** | **Thực hành/ Thực tế** | **thuyết trình tại điểm thực tế** |
| 44 | Thực hành/ Thực tế Chương 5 | **G1.1,****G1.2,****G1.3,****G1.4,****G2.1,****G2.2,****G3.1** | **2****4****3****2****3****4****4** | **Thực hành/ Thực tế** | **thuyết trình tại điểm thực tế** |
| 45 | Thực hành/ Thực tế Chương 5 | **G1.1, G1.2, G1.3, G1.4, G2.1, G2.2, G3.1** | **2+3+4** | **Thực hành/ Thực tế** | **thuyết trình tại điểm thực tế** |
| 46 | Thực hành/ Thực tế Chương 5 | **G1.1, G1.2, G1.3, G1.4, G2.1, G2.2, G3.1** | **2+3+4** | **Thực hành/ Thực tế** | **thuyết trình tại điểm thực tế** |
| 47 | Chương 6. Văn minh Tây Âu trung đại mục 1 | **G1.1, G1.2** | **2+4** | **LT** |  |
| 48 | Chương 6. Văn minh Tây Âu trung đại mục 2 | **G1.1, G1.2** | **2+4** | **LT** |  |
| 49 | Chương 6. Văn minh Tây Âu trung đại mục 3.1; 3.2 | **G1.1, G1.2** | **2+4** | **LT** |  |
| 50 | Chương 6. Văn minh Tây Âu trung đại mục 3.3. | **G1.1, G1.2** | **2+4** | **LT** |  |
| 51 | Chương 6. Văn minh Tây Âu trung đại mục 3.4. | **G1.1, G1.2** | **2+4** | **LT** |  |
| 52 | Thảo luận  | **G1.1,****G1.2,****G1.3,****G1.4,****G2.1,****G2.2,****G3.1** | **2****4****3****2****3****4****4** | **TL** | **Báo cáo tiểu luận** |
| 53 | Thảo luận  | **G1.1,****G1.2,****G1.3,****G1.4,****G2.1,****G2.2,****G3.1** | **2****4****3****2****3****4****4** | **TL** | **Báo cáo tiểu luận** |
| 54 | Ôn tập cả chương trình và kết thúc môn | **G1.1,****G1.2,****G1.3,****G1.4,****G2.1,****G2.2,****G3.1** | **2****4****3****2****3****4****4** | **Thực hành** |  |

**12. Đánh giá kết quả học tập**

***12.1. Thang điểm: 10***

***12.2. Đánh giá quá trình:*** 50%, trong đó:

Kiểm tra thường xuyên: 30%

Kiểm tra giữa kỳ: 20%

 ***12.3. Thi kết thúc học phần: 50%***

***12.4. Kế hoạch kiểm tra, đánh giá:***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức kiểm tra** | **Nội dung** | **Thời điểm** | **CĐR đánh giá** | **Trình****độ****năng****lực** | **Phương****pháp****đánh****giá** | **Tỷ lệ %** |
| Thảo luận nhóm | Kiểm tra thường xuyên | Tiết 16, 17, 18 | G1.1, G1.2, G1.3, G1.4, G2.2, G3.1 | 243244 | Thuyết trình nhóm | 10 |
| Thực hành/ thực tế | Kiểm tra thường xuyên | Tiết 41, 42, 43, 44, 45, 46 | G1.1,G1.2,G1.3,G1.4,G2.1,G2.2,G3.1 | 2432344 | Thuyết trình tại điểm thực tế | 15 |
| Tiểu luận | Kiểm tra thường xuyên | Tiết 52, 53 | G1.1,G1.2,G1.3,G1.4,G2.1,G2.2,G3.1 | 2432344 | Báo cáo tiểu luận | 5 |
| Tự luận | Kiểm tra giữa kỳ | Tiết 33,34 | G1.1, G1.3, G1.4, G2.2 | 2324 | Kiểm tra viết | 20 |
| Tự luận | Thi cuối kỳ- Thời gian làm bài 90 phút. *(Không được sử dụng tài liệu).* | Cuối học kỳ | G1.1, G1.2, G1.3, G1.4, G2.1, G2.2, G3.1,  | 22343 | Kiểm tra trắc nghiệm | 50 |

***12.5. Bảng đối chiếu các chuẩn đầu ra học phần được đánh giá***

|  |  |
| --- | --- |
| **CĐR** **học phần** | **Hình thức kiểm tra** |
| **Tự luận** | **Tiểu luận** | **Thực hành trên lớp** | **Thảo luận nhóm** | **Thực hành/ thực tế (ngoài trời)** | **KT giữa kỳ** | **Thi kết thúc HP** |
| G1.1 |  | X | X | X | X | X | X |
| G1.2 |  | X | X | X | X |  | X |
| G1.3 |  | X | X | X | X | X | X |
| G1.4 |  | X | X | X | X | X | X |
| G2.1 |  | X | X | X | X |  | X |
| G2.2 |  | X | X | X | X | X | X |
| G3.1 |  | X | X | X | X |  | X |

**13. Các yêu cầu đối với người học:**

 Đạo đức nghiên cứu khoa học:

- Các bài tập ở nhà và bài tiểu luận phải được thực hiện từ chính bản thân sinh viên. Nếu bị phát hiện có sao chép thì xử lý các sinh viên có liên quan bằng hình thức đánh giá **0** (không) điểm quá trình và cuối kỳ…

 *Về thái độ*

- Yêu cầu sinh viên có ý thức học tập tích cực, chủ động trau dồi kiến thức.

- Phải có tình yêu, đam mê với môn học và nghề nghiệp mình đang theo đuổi.

*Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*

- Tự lập, sáng tạo để phát triển tư duy của mình vào phát triển các ý tưởng, làm bài tập cá nhân.

- Tự chịu trách nhiệm trước tinh thần, thái độ học tập của mình.

**14. Ngày phê duyệt lần đầu:**

**15. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Trưởng khoa** | **Trưởng Bộ môn** | **Nhóm biên soạn** |
|  |  |  |  |
|  |  |  | **Bùi Thị Thanh Hương** |
|  |  |  |  |

**16. Tiến trình cập nhật ĐCCT**

|  |  |
| --- | --- |
| **Lần 1:** Tóm tắt nội dung cập nhật ĐCCT lần 1: ngày tháng năm | **<**người cập nhật ký và ghi rõ họ tên)Trưởng Bộ môn: |
| **Lần 2:** Tóm tắt nội dung cập nhật ĐCCT lần 2: ngày tháng năm | **<**người cập nhật ký và ghi rõ họ tên)Trưởng Bộ môn: |